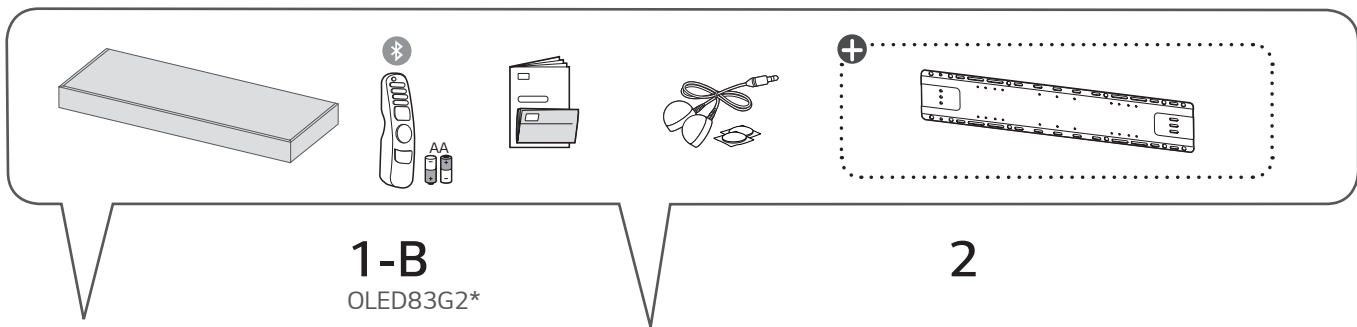
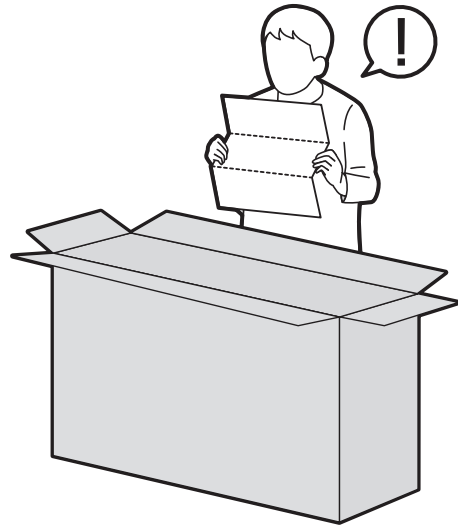


OLED77G2\*  
OLED83G2\*

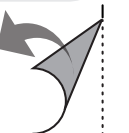
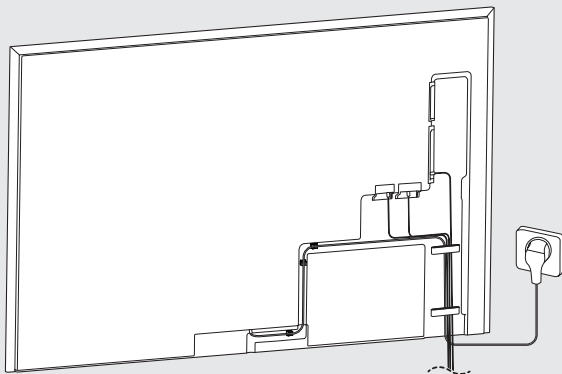
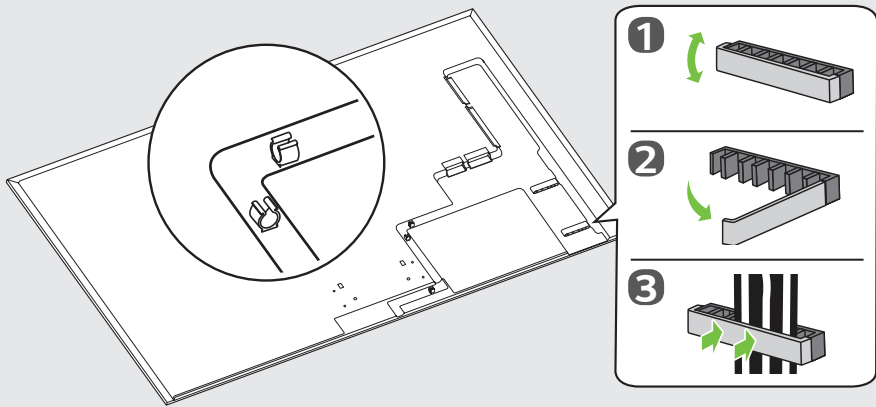
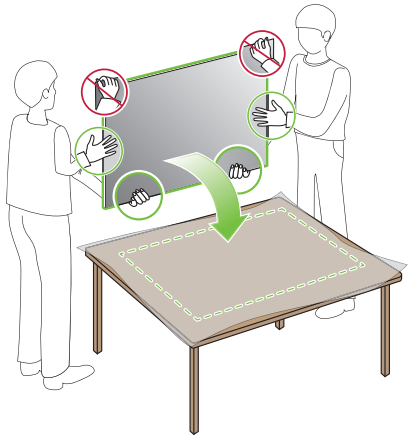
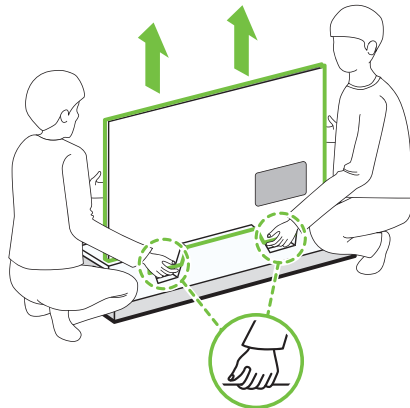
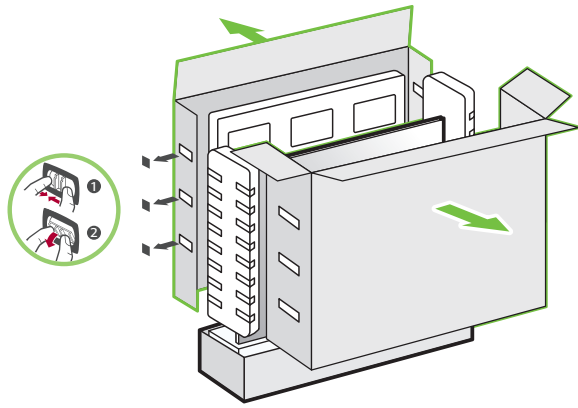
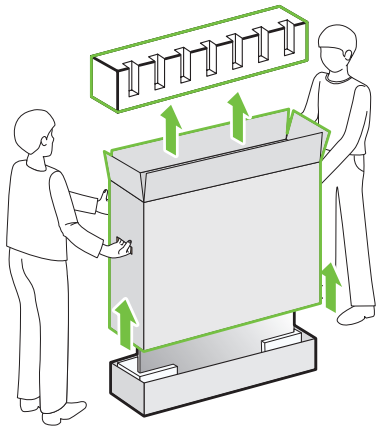


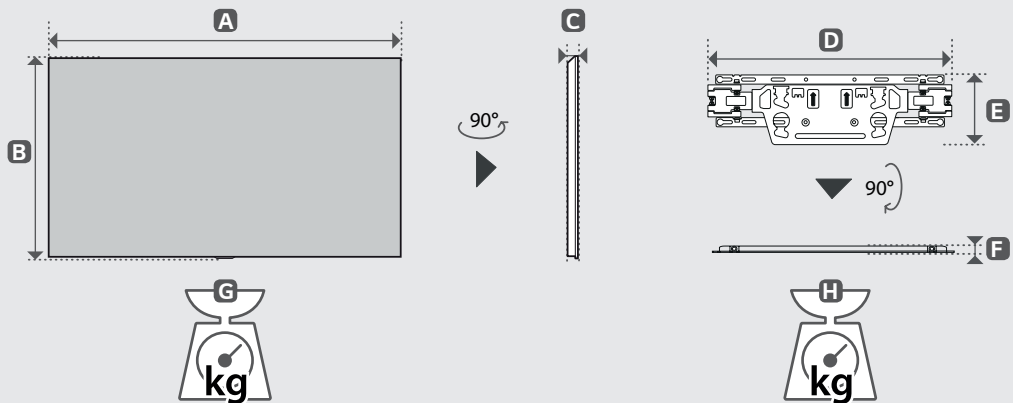
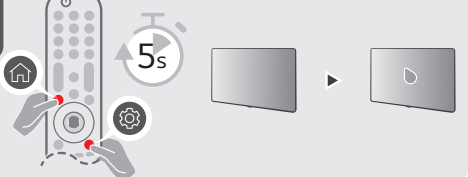
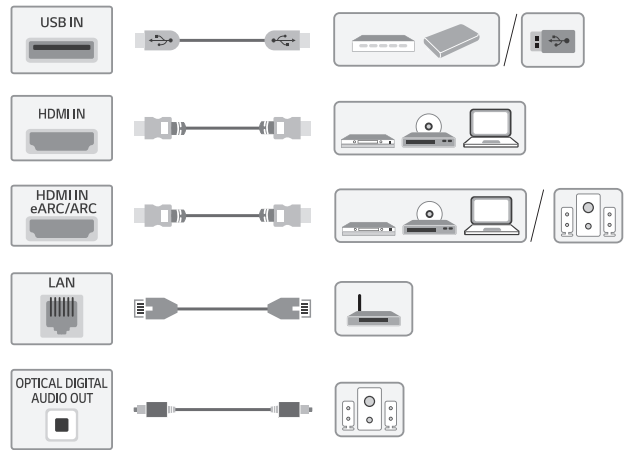
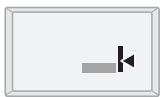
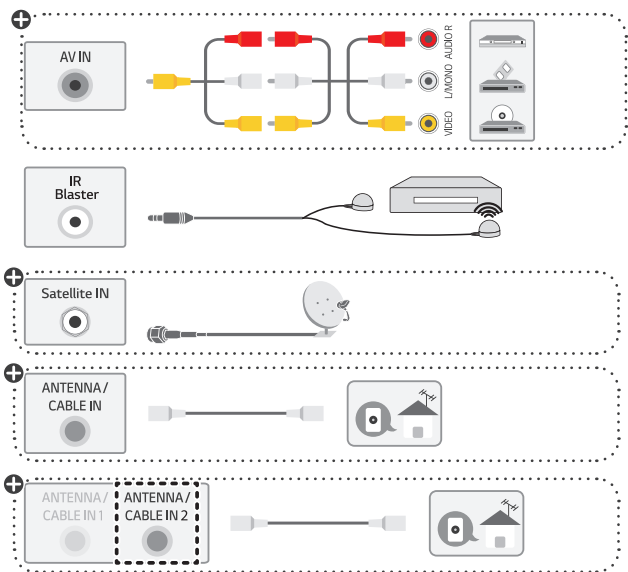
**1-A**  
OLED77G2\*

**1-B**  
OLED83G2\*

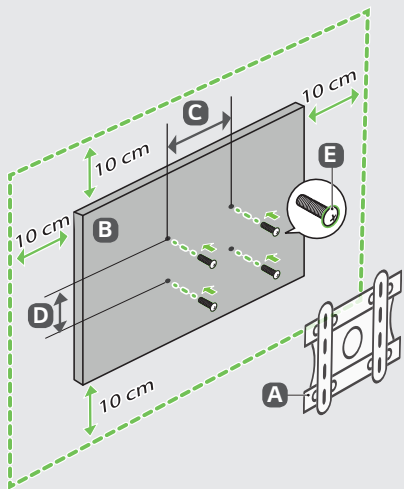
**2**

**3**





|                                                                                                                                 | A    | B    | C    | D   | E                                                                   | F  | G    | H   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------|------|-----|---------------------------------------------------------------------|----|------|-----|
|                                                                                                                                 | (mm) |      |      |     |                                                                     |    | (kg) |     |
| OLED77G26LA<br>OLED77G2PSA                                                                                                      | 1712 | 976  | 24.8 | 452 | 129                                                                 | 13 | 35.1 | 1.2 |
| Power requirement / متطلبات الطاقة / Alimentation /<br>Requisito de alimentação /<br>แรงดันและความถี่ไฟฟ้า / Nguồn điện yêu cầu |      |      |      |     | AC 100-240 V ~ 50 / 60 Hz<br>تيار متردد 240-100 فولت ~ 60 / 50 هرتز |    |      |     |
|                                                                                                                                 |      |      |      |     | Only India - AC 200-240 V ~ 50 / 60 Hz                              |    |      |     |
| OLED83G26LA<br>OLED83G2PSA                                                                                                      | 1847 | 1052 | 28   | 452 | 129                                                                 | 13 | 40.9 | 1.2 |
| Power requirement / متطلبات الطاقة / Alimentation /<br>Requisito de alimentação /<br>แรงดันและความถี่ไฟฟ้า / Nguồn điện yêu cầu |      |      |      |     | AC 100-240 V ~ 50 / 60 Hz<br>تيار متردد 240-100 فولت ~ 60 / 50 هرتز |    |      |     |
|                                                                                                                                 |      |      |      |     |                                                                     |    |      |     |



| A       | B         | C x D (mm) | E  |
|---------|-----------|------------|----|
| OLW480B | OLED77G2* | 300 x 300  | M6 |
| LSW440B | OLED83G2* | 400 x 400  | M6 |



English

• Read **Safety and Reference**.

Français

• Lire le document **Sécurité et référence**.

Português

• Consulte o manual **Segurança e referência**.

ภาษาไทย

• โปรดอ่านคู่มือผู้ใช้**ความปลอดภัยและการอ้างอิง**

Tiếng Việt

• Đọc phần **An toàn và Tham khảo**.

+ : Depending on model / حسب الطراز / Selon le modèle / Dependendo do modelo / ขึ้นอยู่กับรุ่น / Tùy theo mã sản phẩm

English

• The Analog Gender adapter can be purchased separately at Customer Service.

Français

• L'adaptateur analogique peut être acheté séparément auprès du SAV.

Português

• O adaptador analógico pode ser comprado em separado no Serviço de Apoio ao Cliente da LG.

ภาษาไทย

• สายรวมสัญญาณ Component และ AV สามารถซื้อแยกต่างหากได้ที่ศูนย์บริการของบริษัท

Tiếng Việt

• Đầu chuyển tín hiệu analog có thể mua riêng tại Trung tâm chăm sóc khách hàng của LG.